

Bản án số: 28/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 17/3/2026

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – CẦN THƠ**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Văn Hứng**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Bà **Hồ Thị Kim Luyến**

2/ Ông **Trần Ngọc Bích**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Hồng Chúc** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cần Thơ.

Trong ngày 17 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 289/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2025 về “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Thị Ngọc N**, sinh năm 1990 (*Đề nghị xét xử vắng mặt*).

Địa chỉ: Số C, đường L, phường C, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn Ú**, sinh năm 1989 (*Vắng mặt*).

Địa chỉ: Số C, đường L, phường C, thành phố Cần Thơ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

***\* Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc N trình bày:*** Bà và ông Nguyễn Văn Ú sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, quận N, thành phố Cần Thơ (cũ) và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 28, quyền số 01, ngày 12/3/2014. Thời gian đầu vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do phía ông Nguyễn Văn Ú thường xuyên cờ bạc mặc dù bà đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông Ú vẫn không bỏ, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không còn tiếng nói chung, không có sự đồng cảm chia sẻ cho nhau. Sau khi giữa hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, ông Nguyễn Văn Ú thường xuyên vắng nhà, việc kinh doanh cũng

như việc chăm sóc nuôi dưỡng con cái đều do bà Phạm Thị Ngọc N gánh vác. Mặc dù, ông bà đã nhiều lần hàn gắn nhằm duy trì quan hệ hôn nhân nhưng không đạt được kết quả mong muốn, tình cảm vợ chồng rạn nứt nghiêm trọng, không còn sự quan tâm, tôn trọng và hỗ trợ nhau. Hiện tại, bà xác định không còn tình cảm với ông Nguyễn Văn Ú, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung của vợ chồng không thể kéo dài.

Vì vậy, bà Phạm Thị Ngọc N khởi kiện yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn Ú.

- Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Phạm Minh T (giới tính nữ), sinh ngày 10/12/2014. Sau khi ly hôn, cháu Nguyễn Phạm Minh T sẽ do bà Phạm Thị Ngọc N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu ông Nguyễn Văn Ú cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn ông Nguyễn Văn Ú: Mặc dù, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên không rõ ý kiến.

Đồng thời, nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc N có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Bà Phạm Thị Ngọc N và ông Nguyễn Văn Ú tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, quận N, thành phố Cần Thơ (cũ) nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên bà N có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Ú. Quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp ly hôn*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Nguyên đơn Phạm Thị Ngọc N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Văn Ú đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng đương sự đều vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 238 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015.

**[2] Về nội dung:**

[2.1] Xét bà Phạm Thị Ngọc N và ông Nguyễn Văn Ú qua thời gian tìm hiểu thì tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào năm 2014. Theo trình bày của bà Phạm Thị Ngọc N, sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống khá hạnh phúc nhưng chỉ sau một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên tranh cãi, cả hai không tìm được tiếng nói chung, không có sự đồng cảm chia sẻ cho nhau, mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, dẫn đến tình cảm ngày càng phai nhạt. Hiện tại, bà Phạm Thị Ngọc N xác định không còn tình cảm với ông Nguyễn Văn Ú và mong muốn được ly hôn.

[2.2] Về phía ông Nguyễn Văn Ú đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, biết việc bà Phạm Thị Ngọc N đơn phương ly hôn nhưng vẫn không đến Tòa án để được hoà giải, động viên hai bên đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Qua đó cho thấy mâu thuẫn giữa bà Phạm Thị Ngọc N và ông Nguyễn Văn Ú đã nghiêm trọng, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc duy trì đời sống hôn nhân cũng không còn ý nghĩa.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Ngọc N theo quy định tại khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

**[3] Về con chung:** Theo hồ sơ thể hiện giữa bà Phạm Thị Ngọc N và ông Nguyễn Văn Ú có một người con chung là cháu Nguyễn Phạm Minh T (giới tính nữ), sinh ngày 10/12/2014.

Xét thấy, cháu Nguyễn Phạm Minh T đã được bà N nuôi dưỡng từ khi sinh ra và hiện tại đang chung sống cùng với bà N. Xét cháu T được vợ chồng nuôi dưỡng từ khi sinh ra, nhưng thời điểm phát sinh mâu thuẫn cho đến hiện tại ông Nguyễn Văn Ú thường xuyên vắng nhà, bà Phạm Thị Ngọc N là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu T. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu Nguyễn Phạm Minh T thì việc dành quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho bà Phạm Thị Ngọc N là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Nguyễn Văn Ú theo quy định của pháp luật, không ai được quyền ngăn cản.

**[4] Về cấp dưỡng:** Do bà Phạm Thị Ngọc N không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Dành quyền khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn Ú thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho bà Phạm Thị Ngọc N theo quy định của pháp luật.

Trường hợp, bà Phạm Thị Ngọc N không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì ông Nguyễn Văn Ú có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

**[5]** *Về tài sản chung, nợ chung:*

+ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, trường hợp có phát sinh tranh chấp sẽ được tách ra giải quyết thành vụ án khác.

+ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, trường hợp có phát sinh tranh chấp sẽ được tách ra giải quyết thành vụ án khác.

**[6]** *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc N phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào:*

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 19, Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc N về việc ly hôn với ông Nguyễn Văn Ú.

**1.** *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Phạm Thị Ngọc N được ly hôn với ông Nguyễn Văn Ú.

**2.** *Về con chung:* Có 01 con chung là cháu Nguyễn Phạm Minh T (giới tính nữ), sinh ngày 10/12/2014. Sau khi ly hôn, cháu Nguyễn Phạm Minh T sẽ do bà Phạm Thị Ngọc N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông Nguyễn Văn Ú không phải cấp dưỡng.

Đồng thời, dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Nguyễn Văn Ú theo quy định của pháp luật, không ai được quyền ngăn cản.

**3.** *Về tài sản chung, nợ chung:* Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ kiện khác.

**4.** *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Bà Phạm Thị Ngọc N chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chuyển tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0009518 ngày 12/11/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ sang thành án phí hôn nhân sơ thẩm phải chịu.

**5. Quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết), để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND KV1 - Cần Thơ;
- THADS TP . Cần Thơ;
- TAND TP . Cần Thơ;
- UBND cấp xã nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Văn Hứng**